

Số:

Ngọc Hồi, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu báo giá gói thầu: Mua sắm thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp trong và ngoài tỉnh.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm thuốc sử dụng năm 2025 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi; cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng văn thư Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Địa chỉ: Số 58 Nguyễn Huệ, Tổ dân phố 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum);
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo đến hết ngày 27 tháng 02 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày thông báo yêu cầu báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

(Có Phụ lục kèm theo)

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc,
- Phòng TCHC (đăng tải lên TTTĐT Bệnh viện);
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Đào

Phụ lục 1
DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC

*Kèm theo Thông báo số /TB-BVKVNH ngày /02/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi
về việc yêu cầu báo giá gói thầu: mua thuốc tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi năm 2025*

ST T	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Phân Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Acetyl leucin (N-Acetyl-DL-leucin)	4	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	2.000	
2	Acetyl leucin (N-Acetyl-DL-leucin)	4	500mg	Uống	Viên nén	Viên	10.000	
3	Acid amin*	1	6.5%, 100ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	100	
4	Alfuzosin	4	5mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	2.000	
5	Alimemazin	4	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000	
6	Alpha chymotrypsin	4	4200IU	Uống	Viên nén	Viên	25.000	
7	Amiodaron hydroclorid	4	150mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	20	
8	Amlodipin + Atorvastatin	4	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20.000	
9	Amoxicilin	4	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch	Gói	2.000	

10	Amoxicilin	4	500mg	Uống	Viên nang	Viên	5.000	
11	Amoxicilin + acid clavulanic	4	875/125 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	7.000	
12	Amoxicilin + acid clavulanic	4	250mg/31.25mg	Uống	Bột pha hỗn dịch	Gói	10.000	
13	Atropin sulfat	4	0,25mg/1ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	1.000	
14	Bacillus clausii	4	1.10 ⁹ - 2.10 ⁹ CFU	Uống	Thuốc bột uống	Gói	30.000	
15	Bambuterol hydrochlorid	4	20mg	Uống	Viên nén	Viên	5.000	
16	Berberin	4	100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000	
17	Betamethason	4	0,064%, 30g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Tuýp	500	
18	Bromhexin (hydroclorid)	4	8mg	Uống	Viên nén	Viên	10.000	
19	Calci clorid	4	10% - 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	500	
20	Calci lactat	4	500mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	20.000	
21	Candesartan	2	8mg	Uống	Viên nén	Viên	50.000	
22	Cefixim	4	100mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch	Gói	10.000	

23	Ceftazidim	2	2g	Tiêm	Bột pha tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	2.000	
24	Ceftizoxim	2	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	5.000	
25	Cefuroxim	2	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000	
26	Celecoxib	4	200mg	Uống	Viên nang	Viên	15.000	
27	Cephalexin	4	250mg	Uống	Bột pha hỗn dịch	Gói	2.000	
28	Cilnidipin	4	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000	
29	Cinnarizin	4	25mg	Uống	Viên nén	Viên	10.000	
30	Clopidogrel	4	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000	
31	Colchicin	4	1mg	Uống	Viên nén	Viên	3.000	
32	Chlorpheniramine maleate	4	4mg	Uống	Viên nén	Viên	10.000	
33	Dexamethason	4	4mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	500	
34	Diazepam	4	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	500	
35	Diclofenac	4	100mg	Đặt hậu môn	Viên đạn đặt hậu môn	Viên	5.000	
36	Digoxin	4	0,25mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000	
37	Diosmin + hesperidin	2	900mg + 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	7.000	

38	Enalapril	4	5mg	Uống	Viên nén	Viên	20.000	
39	Ephedrin	1	30mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	500	
40	Fentanyl	1	0,1mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	800	
41	Fexofenadin	4	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	7.000	
42	Furosemid	4	20mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	2.000	
43	Fusidic acid + betamethason	4	15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	200	
44	Gapabentin	4	300mg	Uống	viên nang cứng	Viên	5.000	
45	Gelatin	5	20,0g, 3,505g, 0,68g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	100	
46	Gentamicin	4	80mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	2.000	
47	Gliclazid	1	60mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Viên	50.000	
48	Glucose	4	10% - 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	2.000	
49	Glucose	4	30% - 5ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	100	

50	Heparin Natri	2	25.000 UI	Tiêm	Tiêm, Truyền tĩnh mạch, Tiêm dưới da	Chai/lọ/ống/t úi	500	
51	Hydrocortison	4	1% - 10g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	200	
52	Imipenem + cilastatin*	4	0,5g + 0,5g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	100	
53	Insulin tác dụng nhanh, ngắn (Fast-acting, Short- acting)	1	1000 IU/10 ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	50	
54	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	1	100U/1ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm	1.500	
55	Irbesartan	2	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	7.000	
56	Kali clorid	4	10% - 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	2.000	
57	Ketoconazol	4	100mg/5g; 10g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	500	
58	Ketorolac	1	30mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	500	
59	Lactobacillus acidophilus	4	10 mũ 8 CFU	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000	

60	Levodopa + carbidopa	4	250mg+25mg	Uống	Viên nén	Viên	3.000	
61	Levofloxacin	4	750mg/150ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Túi	300	
62	Levofloxacin	3	250mg	Uống	viên nén bao phim	Viên	10.000	
63	Lidocain	4	200 mg/ 10 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	50	
64	Lidocain (hydroclorid)	4	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	3.000	
65	Lisinopril	4	10mg	Uống	Viên nén	Viên	30.000	
66	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	4	400mg + 300mg + 30mg	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	20.000	
67	Magnesi sulfat	4	15% - 10ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	200	
68	Manitol	4	20% x 250ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	50	
69	Meloxicam	4	7,5mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000	
70	Metformin hydroclorid	BDG	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	150.000	
71	Metformin hydroclorid	4	1000mg	Uống	Viên bao phim	Viên	30.000	

72	Methyl prednisolon	4	40mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Chai/lọ/ống/túi	2.000	
73	Methyldopa	4	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000	
74	Metronidazol	4	250mg	Uống	Viên nén	Viên	10.000	
75	Metronidazol	4	500mg/100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	1.000	
76	Midazolam	4	5mg/1ml	Tiêm, truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/ống/túi	500	
77	Misoprostol	4	200mg	Uống	Viên nén	Viên	1.500	
78	Morphin	4	10mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	700	
79	Morphin	4	30mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	500	
80	Mupirocin	4	5g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Tuýp	200	
81	Naphazolin	4	2,5mg/5ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Chai/lọ/ống/túi	500	
82	Natri bicarbonat	4	1,4g/100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	20	

83	Natri clorid	4	0,9%-250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	400	
84	Natri clorid	4	0,9% 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	5.000	
85	Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid. 6H ₂ O; Acid acetic; Calci clorid. 2H ₂ O	4	Mỗi lít dung dịch chứa: 161g ; 5,5g ; 3,7g ; 8,8g ; 9,7g	Dung dịch thẩm phân	Dung dịch thẩm phân máu	Thùng 1 can 10 lít	300	
86	Natri clorid; Natri hydrocarbonat	4	Mỗi 1000ml chứa: 30,5g ; 66g	Dung dịch thẩm phân	Dung dịch thẩm phân máu	Thùng 1 can 10 lít	500	
87	Glucose khan+ Natri clorid+ Natri citrat+ Kali clorid	4	4g; 0,7g; 0,58g; 0,3g/5.6g	Uống	Thuốc bột	Gói	15.000	
88	Natri Hyaluronat	4	1mg/ml - 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Chai/lọ/ống/túi	500	
89	Neostigmin metylsulfat	4	0,25 mg/ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	500	
90	Nicardipin	4	10mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	200	
91	Nước cất pha tiêm	4	5ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Chai/lọ/ống/túi	50.000	
92	Nước cất pha tiêm	4	10ml	Tiêm	Thuốc dung môi pha tiêm	Chai/lọ/ống/túi	30.000	

93	Nystatin	4	25.000IU	Bột đánh tưa lưỡi	Thuốc bột rửa miệng	Gói	500	
94	Nystatin + Metronidazol + Neomycin	1	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Viên	2.000	
95	Nhũ dịch lipid	1	20% 100ml	Tiêm/tiêm truyền	Nhũ tương tiêm truyền	Chai/lọ/ống/t úi	50	
96	Oxytocin	4	5UI/ml-1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	5.000	
97	Oxytocin	4	10UI/ml- 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	2.000	
98	Pantoprazol	4	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ/ống/t úi	2.000	
99	Paracetamol	3	250mg	Uống	Thuốc cốm sủi bột	Gói	5.000	
100	Paracetamol	2	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	40.000	
101	Paracetamol	4	1g	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/t úi	1.000	
102	Paracetamol	4	500mg	Uống	Viên nén	Viên	80.000	
103	Perindopril	1	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30.000	
104	Pethidin	1	50mg/ml-2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/t úi	200	

105	Piracetam	4	400mg	Uống	Viên nén dài bao phim	Viên	10.000	
106	Povidon iodin	4	10% - 140ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai/lọ/ống/túi	1.500	
107	Prednisolon acetat	4	5mg	Uống	Viên nén	Viên	30.000	
108	Propofol	1	1% (10mg/ml)	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	200	
109	Phenobarbital		100mg	Uống	Viên nén	Viên	300	
110	Ringer lactat	4	500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	5.000	
111	Rocuronium bromid	4	10mg/ml -5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	200	
112	Diazepam	1	5mg	Uống	Viên nén	Viên	1.000	
113	Salbutamol sulfat	4	2,5mg/2,5ml	Hít qua máy khí dung	Dung dịch khí dung	Ống	1.000	
114	Sorbitol	4	5g	Uống	Thuốc bột uống	Gói	2.000	
115	Tenofovir (TDF)	4	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000	
116	Tetracain	4	50mg/10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Chai/lọ/ống/túi	10	

117	Thiamazol	4	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000	
118	Tranexamic acid	4	500mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Viên	1.000	
119	Trimetazidin	2	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Viên	50.000	
120	Valsartan	4	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000	
121	Vitamin A + D2 (Vitamin A + D3)	4	2500IU; 200IU	Uống	Viên nang mềm	Viên	2.000	
122	Vitamin B1 + B6 + B13	4	50mg + 250mg + 5000mcg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Chai/lọ/ống/túi	1.000	
123	Vitamin B1 + B6 + B13	4	100mg+100mg+150mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	15.000	
124	Vitamin C	4	100mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	15.000	
125	Vitamin C	4	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000	
126	Vitamin K1	4	1mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	2.000	
127	Albumin người	1	25% x 50ml	Tiêm truyền	Dung dịch truyền	Chai/lọ/ống/túi	100	

					tĩnh mạch			
128	Vancomycin 1g	4	1g	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Chai/lọ/ống/túi	500	
129	Metronidazol + Spiramycin	2	750.000 IU + 125mg	Uống	viên nén bao phim	Viên	2.000	
130	Metformin hydroclorid	3	500mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Viên	80.000	
131	Cefixim	4	200mg	Uống	Viên nang	Viên	20.000	
132	Glucose	4	5% x 500ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi	2.000	
133	Kẽm gluconat	4	56mg/ 5ml -100ml	Uống	Sirô	Chai/lọ/ống/túi	2.000	
134	Piracetam	4	3g/15ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	1.000	
135	Iopamidol	4	612mg/ml - 50ml	Tiêm/truyền	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/ống/túi	50	
136	Natri dihydrogen phosphat monohydrat; Dinatri hydrogen phosphat heptahydrat	4	(19g +7g)/118 ml/133ml	Thụt hậu môn/ Trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Chai/lọ/ống/túi	20	
	Tổng cộng: 136							

Phụ lục II
DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN

STT	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Phân Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật(TCKT)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	3	500mg + 700mg + 500mg +100mg +1000mg	Uống	Viên bao đường	Viên	50.000	
2	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chỉ xác, Thanh bì, Bạch Truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương.	3	1,50g; 1,50g; 0,80g; 0,50g; 0,50g; 0,50g; 0,50g; 0,50g; 0,50g; 0,30g; 0,30g.	Uống	Viên nang	Viên	8.000	
3	Cao Kim tiền thảo	1	300mg	Uống	Viên bao phim	Viên	20.000	

4	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn, Nhục đậu khấu.	3	Mỗi viên hoàn cứng chứa: Bạch truật 20,0mg; Mộc hương 6,8mg; Hoàng liên 3,4mg; Cam thảo 4,0mg; Bạch linh 13,4mg; Đảng sâm 6,8mg; Thần khúc 6,8mg; Trần bì 13,4mg; Sa nhân 6,8mg; Mạch nha 6,8mg; Sơn tra 6,8mg; Hoài sơn 6,8mg; Nhục đậu khấu 13,4mg	Uống	Viên hoàn cứng	Viên	15.000	
5	Đinh lăng, Bạch quả	2	150mg+10mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	90.000	

6	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo.	3	1100mg. 1100mg. 1100mg. 1100mg. 800mg. 470mg. 470mg. 470mg. 470mg. 470mg. 350mg. 350mg.	Uống	Viên nang	Viên	10.000	
7	Húng chanh; Núc nác; Cineol	3	(45g; 11,25g; 83,7mg)/90ml	Uống	Cao lỏng	Chai	3.000	
8	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo.	3	22,50g. 22,50g. 22,50g. 22,50g. 17,50g. 10g. 10g. 10g. 10g. 10g. 7,50g. 7,50g.	Uống	Cao lỏng	Chai	5.000	
9	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng).	3	0,5g; 2,5g; 1g; 1g; 1,5g; 1,5g; 0,5g; 2,5g	Dùng ngoài	Cồn thuốc dùng ngoài	Chai	3.000	

10	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	3	Mỗi 5ml chứa các chất chiết xuất từ các dược liệu: Sinh địa 0,45g; Mạch môn 0,3g; Huyền sâm 0,45g; Bối mẫu 0,2g; Bạch thược 0,2g; Mẫu đơn bì 0,2g; Cam thảo 0,1g	Uống	Cao lỏng	Chai/lọ/ôn g/túi	10.000
11	Cam thảo, Đảng sâm nam chế, Dịch chiết men bia (tương đương với men bia)	3	0,5g; 1,5g; 10g	Uống	Cao lỏng	Chai/lọ/ôn g/túi	20.000
12	Đương quy + Xuyên khung + Thục địa + Bạch thược + Đảng sâm + Bạch linh + Bạch truật + Cam thảo + Hoàng kỳ + Quế nhục	3	(200mg + 66,66mg + 200mg + 133,33mg + 133,33mg + 133,33mg + 133,33mg + 66,66mg + 133,33mg + 33,33mg)/8ml	Uống	Cao lỏng	Chai/lọ/ôn g/túi	10.000

13	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	3	1g, 0,5g, 0,5g, 0,008g, 0,006g, 0,004g	Xịt Mũi	Dung dịch xịt mũi	Chai/lọ/ồn g/túi	500	
	Tổng cộng: 13							